

Đánh giá nhận thức về HIV/AIDS của học sinh hai Trường trung học phổ thông tại Thái Bình

Trần Minh Hậu*; Nguyễn Ngọc Linh*

TÓM TẮT

Phỏng vấn 969 học sinh (HS) Trường trung học phổ thông (THPT) Lê Quý Đôn và THPT Đông Thụy Anh tỉnh Thái Bình nhằm đánh giá nhận thức về HIV/AIDS và các biện pháp phòng chống HIV/AIDS.

Kết quả cho thấy: 98% HS biết thông tin về HIV thông qua các kênh thông tin khác nhau: qua tivi, đài, báo, tạp chí: > 78%, từ thầy cô giáo: 61%, từ cán bộ y tế: 17,8%; 95,9% HS nhận thức đúng về mầm bệnh là virus HIV, 4,1% HS chưa nhận thức đúng về tác nhân này, cho rằng bệnh là do vi khuẩn, nấm hoặc ký sinh trùng gây ra; 75% HS biết đối tượng có nguy cơ lây nhiễm HIV cao là gái mại dâm, tiêm chích ma túy; 92,7% HS biết về đường lây truyền HIV là từ mẹ sang con, tình dục không an toàn: 90,6%; từ máu và dịch thể từ người HIV: 91,2%; tỷ lệ HS biết các biện pháp phòng chống HIV cụ thể: chung thủy 1 vợ 1 chồng: 90,4%; không quan hệ tình dục (QHTD) với nhiều người: 85,6%; không dùng chung bơm kim tiêm: 84,6%; không dùng chung dao cạo râu, bàn chải răng: 82,4%; không truyền máu không rõ nguồn gốc: 88,6%; phòng lây nhiễm từ mẹ sang con...

* Từ khoá: HIV/AIDS; Học sinh trung học phổ thông; Nhận thức.

Assessment of HIV/AIDS awareness of pupils at two schools in Thaing province

SUMMARY

The study was carried out on 969 pupils in two secondary school, Lequydon and Dongthuyanh, Thaing province, evaluating the knowledge about HIV/AIDS disease and preventive measures it.

The results show that: there was 98% of pupils knowing about HIV/AIDS through TV, radio, paper (78%), teacher and communicative programe (61%), medical officer (17.8%); there were 95.9% of pupils understand exactly germ of HIV/AIDS, 4.1% had wrong awareness about germ which is bacteria, fungi or other germ; the rate of pupils knowing that the prostitutional girl, drug people have high risk was 75%; the rate of pupil knowing that HIV transmittes through mother-child way was 92.9%; through unsafety-sex way was 90.6% and through blood-way was 91.2%; there were 90.4% of pupils knowing the faithful couple measure, 85.6% knowing the safety-sex measure, 84.6% knowing the no-sharing syringe measure, 82.4% knowing the no-sharing razor...

* Key words: HIV/AIDS; Secondary school pupils; Knowledge.

* Đại học Y Thái Bình

Phản biện khoa học: PGS. TS. Đoàn Huy Hậu

ĐẶT VẤN ĐỀ

Tổ chức Y tế Thế giới cảnh báo HIV là một hiểm họa của loài người. Từ khi phát

hiện tr- ờng hợp nhiễm HIV đầu tiên vào năm 1981 đến nay, số trường hợp nhiễm HIV đã gia tăng với tốc độ cao trên khắp thế giới, hàng chục triệu ng- ời đã tử vong [4, 5]. Việc sản xuất các loại thuốc điều trị căn bệnh này hiện nay vẫn chỉ mang tính tạm thời mà ch- a có khả năng điều trị tận gốc [5]. Tại Việt Nam, HIV đã có mặt tại tất cả các tỉnh thành trên toàn quốc, tỷ lệ ng- ời nhiễm HIV tính đến tháng 8 - 2010 lên tới 178.976 còn sống, trên thực tế con số này còn cao hơn nhiều, số ng- ời chuyển sang AIDS là 42.164 và số ng- ời chết vì AIDS là 47.834 ng- ời [1]. Độ tuổi nhiễm HIV cao nhất là 20 - 39, đây là lứa tuổi lao động chính của gia đình và là nguồn lực quan trọng của xã hội, do đó điều này có ý nghĩa xã hội hết sức lớn và ảnh h- ớng quan trọng đến tình hình phát triển kinh tế xã hội của đất n- ớc [4]. Tại các tr- ờng học nói chung và tr- ờng THPT nói riêng, nhiều ch- ơng trình tuyên truyền giáo dục phòng chống căn bệnh thế kỷ này đã và vẫn đang đ- ợc tiếp tục đẩy mạnh, nhằm nâng cao nhận thức cho HS trong công tác phòng lây lan và hạn chế t- t- ởng kỳ thị, góp phần hạn chế những tác hại của bệnh tại cộng đồng.

Chúng tôi tiến hành đề tài này nhằm mục tiêu: *Đánh giá nhận thức của HS về bệnh HIV/AIDS và một số biện pháp phòng chống HIV/AIDS tại cộng đồng.*

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Bảng 3: Tỷ lệ HS biết về tác nhân gây HIV/AIDS.

1. Đối tượng nghiên cứu.
969 HS, 482 nam (49,7%) và 487 nữ (50,3%) thuộc Tr- ờng THPT Lê Quý Đôn và THPT Đông Thụy Anh, tỉnh Thái Bình.

2. Phương pháp nghiên cứu.

Nghiên cứu mô tả, cắt ngang. Thu thập thông tin bằng phiếu câu hỏi điều tra. Cán bộ nghiên cứu giải thích nội dung câu hỏi mà HS ch- a hiểu và để HS tự trả lời.

* *Xử lý số liệu:* bằng phần mềm SPSS 15.0.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 1: Một số đặc điểm đối tượng nghiên cứu.

ĐỐI TƯỢNG		TRƯỜNG LÊ QUÝ ĐÔN		TRƯỜNG ĐÔNG THUY ANH		CHUNG	
		n	%	n	%	n	%
Giới	Nam	239	49,3	243	50,2	482	49,7
	Nữ	246	50,7	241	49,8	487	50,3
Tuổi	15	161	33,2	160	33,1	321	33,1
	16	160	33,0	160	33,1	320	33,0
	17	164	33,8	164	33,8	328	33,9

Bảng 2: Tỷ lệ HS đ- ợc nghe nói về HIV/AIDS.

NGHE VỀ HIV	TRƯỜNG LÊ QUÝ ĐÔN		TRƯỜNG ĐÔNG THUY ANH		CHUNG		p
	n	%	n	%	n	%	
Đã đ- ợc nghe	478	98,6	473	97,7	951	98,1	>0,05
Ch- a đ- ợc nghe	7	1,4	11	2,3	18	1,9	>0,05

Hầu hết HS tại 2 tr- ờng đều đ- ợc nghe nói về HIV tr- ớc khi đ- ợc phỏng vấn.

TÁC NHÂN GÂY HIV	TRƯỜNG LÊ QUÝ ĐÔN		TRƯỜNG ĐÔNG THỤY ANH		CHUNG	
	n	%	n	%	n	%
Virut	463	95,5	466	96,3	929	95,9
Vi khuẩn	5	1,0	4	0,8	9	0,9
Ký sinh trùng	16	3,3	14	2,9	30	3,1
Nấm	1	0,2	0	0	1	0,1

Khoảng 96% HS hiểu biết đúng về tác nhân gây HIV là virut, tuy nhiên vẫn có tới > 4% HS không biết về tác nhân gây HIV.

Bảng 4: Nguồn cung cấp thông tin về HIV/AIDS.

NGUỒN THÔNG TIN	TRƯỜNG LÊ QUÝ ĐÔN		TRƯỜNG ĐÔNG THỤY ANH		CHUNG	
	n	%	n	%	n	%
Sách, báo, tạp chí	385	80,0	381	78,7	766	79,1
Tivi, radio	394	81,2	370	76,4	764	78,8
Bạn bè, ng- ời xung quanh	332	68,5	315	65,1	647	66,8
Nhà tr- ờng, thầy cô giáo	319	65,8	278	57,4	597	61,6
Cán bộ y tế	101	20,8	72	14,9	173	17,8

HS biết về HIV/AIDS chủ yếu qua sách, báo, tạp chí, tivi, bạn bè, thầy cô giáo ở tr- ờng, từ cán bộ y tế có tỷ lệ rất thấp. Tỷ lệ này t- ơng đ- ơng ở 2 tr- ờng.

Bảng 5: Tỷ lệ HS biết về các hình thức lây truyền của HIV/AIDS.

HÌNH THỨC LÂY TRUYỀN	TRƯỜNG LÊ QUÝ ĐÔN		TRƯỜNG ĐÔNG THỤY ANH		CHUNG	
	n	%	n	%	n	%
Từ mẹ sang con	457	94,2	441	91,1	898	92,7
QHTD không an toàn	445	91,8	433	89,5	878	90,6
Máu, chất dịch ng- ời bệnh	443	91,3	441	91,1	884	91,2
Muối, côn trùng đốt	6	1,2	8	1,7	14	1,4
Tiếp xúc thông th- ờng	7	1,4	6	1,2	12	1,2
Không biết	0	0	3	0,6	3	0,3

Đa số HS biết đ- ờng lây của HIV/AIDS là từ mẹ sang con, QHTD không an toàn, máu và dịch ng- ời bệnh. Tuy nhiên, vẫn có > 1% HS cho rằng do tiếp xúc thông th- ờng hoặc do

còn trùng, muỗi đốt, có 3 HS tr- ờng Đông Thụy Anh không biết đ- ờng lây truyền của HIV/AIDS.

Bảng 6: Tỷ lệ HS biết đối t- ợng có nguy cơ lây nhiễm HIV cao.

ĐỐI TƯỢNG NGUY CƠ CAO	TRƯỜNG LÊ QUÝ ĐÔN		TRƯỜNG ĐÔNG THỤY ANH		CHUNG		p
	n	%	n	%	n	%	
Tiêm chích ma túy	363	74,8	364	75,2	727	75,0	> 0,05
Gái mại dâm	365	75,2	357	73,7	722	74,5	> 0,05

75% HS cho rằng đối t- ợng có nguy cơ lây nhiễm HIV cao là tiêm chính ma túy và gái mại dâm, tỷ lệ này t- ợng đ- ợng nhau ở 2 tr- ờng.

Bảng 7: Cách phòng lây truyền HIV theo đ- ờng máu.

BIỆN PHÁP	TRƯỜNG LÊ QUÝ ĐÔN		TRƯỜNG ĐÔNG THỤY ANH		CHUNG	
	n	%	n	%	n	%
Không dùng chung bơm kim tiêm	420	86,7	402	83,1	822	84,8
Không dùng chung dao cạo râu, bàn chải đánh răng	399	82,3	399	82,4	798	82,4
Không truyền máu ch- a rõ nguồn gốc	443	91,3	416	85,8	859	88,6
Không ôm hôn, bắt tay ng- ời HIV	11	2,3	14	2,9	25	2,6

82 - 88% HS biết cách phòng HIV lây truyền qua đ- ờng máu là không dùng chung bơm kim tiêm, không truyền máu ch- a rõ nguồn gốc, không dùng chung dao cạo râu, bàn chải đánh răng..., tỷ lệ này t- ợng đ- ợng nhau giữa 2 tr- ờng.

Bảng 8: Cách phòng lây truyền HIV qua đ- ờng tình dục.

BIỆN PHÁP	TRƯỜNG LÊ QUÝ ĐÔN		TRƯỜNG ĐÔNG THỤY ANH		CHUNG	
	n	%	n	%	n	%
Không QHTD với nhiều ng- ời	415	85,6	414	85,5	829	85,6
Chung thủy 1 vợ 1 chồng	431	88,9	445	91,9	876	90,4
Không cần dùng bao cao su khi QHTD	16	3,3	19	3,9	35	3,6

Hầu hết HS biết các biện pháp phòng lây nhiễm HIV/AIDS qua đ- ờng tình dục, tuy nhiên vẫn có 3,6% HS ch- a biết.

Bảng 9: Cách phòng lây nhiễm HIV từ mẹ sang con.

BIỆN PHÁP	TRƯỜNG LÊ QUÝ ĐÔN		TRƯỜNG ĐÔNG THỤY ANH		CHUNG	
	n	%	n	%	n	%
Phụ nữ bị HIV không nên có thai	351	72,4	343	70,9	694	71,6
Mẹ bị HIV không nên cho con bú	252	51,9	272	56,2	524	54,0
Mẹ bị HIV vẫn cho con bú	51	10,5	52	10,9	103	10,6
Không biết	6	1,2	8	1,7	14	1,4

Hầu hết HS biết các biện pháp phòng lây HIV từ mẹ sang con, nh- ng vẫn có một tỷ lệ nhất định HS không biết.

BÀN LUẬN

Trong những năm gần đây, thông qua nhiều kênh thông tin, công tác tuyên truyền, giáo dục phòng chống HIV/AIDS trong cộng đồng đã ngày một tăng c- ờng, nhận thức của ng- ời dân nói chung về vấn đề này có nhiều tiến bộ rõ rệt, HS tại các tr- ờng học cũng không ngoại lệ.

Qua nghiên cứu chúng tôi nhận thấy, hầu hết HS của 2 tr- ờng đều có nhận thức khá tốt và đầy đủ về HIV/AIDS: 90% HS ở cả thành phố và nông thôn được nghe nói đến vấn đề HIV/AIDS. Nguồn thông tin mà HS thu nhận đ- ợc về HIV/AIDS chủ yếu từ các kênh thông tin đại chúng nh- tivi, đài, báo, tạp chí, ngoài ra từ thầy cô giáo, bạn bè và ng- ời xung quanh cũng chiếm tỷ lệ khá cao [3], trong khi đó nguồn thông tin từ cán bộ y tế chỉ chiếm tỷ lệ khiêm tốn (17,8%). Tuy nhiên, vẫn có > 4% cho rằng ký sinh trùng, nấm hay vi khuẩn nào đó là tác nhân gây HIV.

Kết quả này cho thấy, những biện pháp tuyên truyền trên các kênh thông tin đại chúng có hiệu quả tốt. Tuy nhiên, một trong những kênh truyền thông giáo dục sức khoẻ, bệnh tật là cán bộ y tế lại chưa đạt hiệu quả, biểu hiện qua số HS trả lời và hiểu biết sai về tác nhân gây HIV. Điều này giúp chúng ta có định h- ớng cho công tác tuyên truyền giáo dục kiến thức về sức khoẻ sinh sản nói chung, cũng nh- công tác phòng bệnh và phòng chống HIV/AIDS nói riêng tại tr- ờng học. Vai trò của y tế học đ- ờng là hết sức cần thiết, quan trọng và cần đ- ợc phát huy [3].

Nhận thức của HS về đ- ờng lây truyền HIV khá đầy đủ nh- : lây truyền từ mẹ sang con: 92,7%; QHTD không an toàn: 90,6%; qua đ- ờng máu và chất thải ng- ời nhiễm HIV: 91,2%. 75% HS biết về đối t- ợng có nguy cơ lây nhiễm cao là tiêm chích ma tuý, gái mại dâm.

Trên cơ sở hiểu biết của HS về HIV và đ- ờng lây truyền cũng nh- tác nhân gây bệnh cho thấy, tỷ lệ HS nhận thức đúng về một số biện pháp phòng chống lây nhiễm HIV khá cao, cụ thể: không QHTD với nhiều ng- ời: 85,6%; chung thủy 1 vợ 1 chồng: 90,4%; không dùng chung bơm kim tiêm: 84,6%; không dùng chung dao cạo râu, bàn chải đánh răng: 82,4%; không truyền máu không rõ nguồn gốc: 88,6%; phụ nữ bị HIV không nên có thai: 71,6%; mẹ bị HIV không nên cho con bú..., chứng tỏ nhận thức của HS về HIV cũng nh- những hiểu biết cơ bản của họ về một số đ- ờng lây truyền và biện pháp phòng chống lây nhiễm HIV là hết sức cần thiết và quan trọng, góp phần không nhỏ trong công tác phòng chống HIV/AIDS tại cộng đồng.

Qua nghiên cứu chúng tôi nhận thấy, ngoài những vấn đề cơ bản mang tính phổ thông trong công tác phòng chống HIV/AIDS trong cộng đồng nh- đã nói ở trên, vấn đề giáo dục ý thức trách nhiệm phòng lây lan HIV cho cộng đồng cũng nh- vấn đề giáo dục ý thức hoà đồng cho những ng- ời bị mắc HIV, công tác tuyên truyền giáo dục ý thức về chống phân biệt kỳ thị của cộng đồng, công tác quản lý đối t- ợng tiêm chích ma tuý, gái mại dâm... cũng là những vấn đề rất quan trọng cần đ- ợc nghiên cứu sâu, đồng thời cần tuyên truyền, giáo dục rộng rãi trong cộng đồng nhằm góp phần giảm khả năng lây lan, khống chế và tiến tới thanh toán mối hiểm họa nguy hiểm này.

KẾT LUẬN

- 98% HS đã đ- ợc nghe đến HIV, nguồn thông tin chủ yếu từ tivi, đài, báo, tạp chí (> 78%), 61% từ thầy cô giáo, 17,8% từ cán bộ y tế.
- 95,9% HS biết virut là tác nhân gây HIV, tuy nhiên, vẫn có 4,1% cho rằng do vi khuẩn, nấm hoặc ký sinh trùng.
- 75% số HS biết đối t- ợng nguy cơ lây nhiễm HIV cao là gái mại dâm, tiêm chích ma tuý.
- Tỷ lệ HS biết về đ- ờng lây truyền HIV: từ mẹ sang con: 92,7%; tình dục không an toàn: 90,6%; từ máu và dịch thải của ng- ời HIV: 91,2%.
- Tỷ lệ HS biết về các biện pháp phòng chống HIV: chung thuỷ 1 vợ 1 chồng: 90,4%; không QHTD với nhiều ng- ời: 85,6%; không dùng chung bơm kim tiêm: 84,6%; không dùng chung dao cạo râu, bàn chải răng: 82,4%; không truyền máu không rõ nguồn gốc: 88,6%; phòng lây nhiễm từ mẹ sang con...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo - Bộ Y tế. Tình hình dịch bệnh tháng 8 - 2010. Tình hình nhiễm HIV/AIDS (Báo cáo công tác y tế tháng 8 - 2010 số 690/BC-BYT). Tạp chí Thông tin y d- ợc. 2010, 9.
2. Tổ chức Y tế Thế giới - Văn phòng khu vực Tây Thái Bình D- ơng. Ph- ơng pháp lấy mẫu và cỡ mẫu. Ph- ơng pháp h- ớng dẫn sức khoẻ. H- ớng dẫn đào tạo các ph- ơng pháp nghiên cứu. NXB Y học. 2003, tr.68-82.
3. Trần Minh Hậu, Đặng Thị Kim Anh. Kiến thức, thái độ, thực hành của vị thành niên về sức khoẻ sinh sản tại tr- ờng THPT Đông Thụy Anh - Thái Bình. Tạp chí Sinh lý học. 2010, 4.
4. UNAIDS. Report on the Global AIDS Epidemic. 4th Global Report. 2004.
5. WHO. Antiretroviral therapy for HIV infection in adults and adolescents: recommendations for a public health approach. WHO. 2010 revision, pp.50-55.